

Động từ khuyết thiếu WILL, WOULD trong tiếng Anh

A. Động từ khuyết thiếu WILL trong tiếng Anh

WILL có thể là:

- Một trợ động từ. Khi là trợ động từ, **WILL** giúp hình thành thì **Tương lai** (simple future). Bạn tham khảo: Thì tương lai đơn trong tiếng Anh.
- Một động từ khuyết thiếu. Khi là một động từ khuyết thiếu, **WILL** diễn tả *một sự mong muốn (willingness), một lời hứa (promise) hay một sự quả quyết (determination)*.

- All right; I will pay you at the rate you ask. (willingness) Tốt rồi; Tôi sẽ trả bạn lãi suất mà bạn đã đề nghị. (lãi suất mà bạn muốn) - I won't forget little Margaret's birthday. I will send her a present. (promise) Tôi sẽ không quên sinh nhật của bé Margaret đâu. Tôi sẽ gửi một món quà cho cô bé.

Trong cách diễn tả *sự quả quyết (determination)*, cả **SHALL** lẫn **WILL** đều có thể sử dụng nhưng mỗi từ mang một nghĩa riêng. Với **SHALL**, sự quả quyết là ở người nói. Với **WILL**, sự quả quyết ở chủ từ (subject) của động từ. So sánh hai thí dụ sau:

(a) George shall go out without his overcoat. George sẽ đi ra ngoài mà không cần áo mưa. (b) George will go out without his overcoat. George quyết định đi ra ngoài dù cho anh ta không mang áo mưa.

Ở câu (a), người nói nhất định bắt George phải đi ra ngoài mà không được mặc áo khoác. Ở câu (b), George nhất định đi ra ngoài mà không thêm mặc áo khoác.

B. Động từ khuyết thiếu WOULD trong tiếng Anh

WOULD có thể là:

- Một trợ động từ. **WOULD** giúp hình thành một Tương lai trong quá khứ (future in the past) hay các thì trong câu điều kiện.

- He said he would send it to me, but he didn't. Anh ta đã nói anh ta sẽ gửi nó cho tôi, nhưng anh ta đã không gửi. - If she were here, she would help us. Nếu cô ấy ở đây, cô ấy sẽ giúp chúng ta. - He would have

been very happy **if** he had known about it. Anh ta sẽ rất hạnh phúc nếu anh ta biết nó.

- Khi dùng như một động từ khuyết thiếu, **WOULD** diễn tả một thói quen trong quá khứ. Với nghĩa này, **WOULD** có thể dùng thay cho **used to**.

- **Every** day he would **get** up at six o'clock **and** light the fire. Thường ngày anh ta dậy lúc 6 giờ sáng và nhóm lửa.